



VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)

(Vietnam Metrology Institute)

Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (0243) 8363242 - 7914876 - Email: vmi@vmi.gov.vn - Web: www.vmi.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (No): V10.CN5.2198.25

Tên đối tượng (Object):

Tủ vi khí hậu (Climatic chamber)

Tủ môi trường

Kiểu (Type): ICH110

Số (Serial No.)/ Mã QL(Tag No): Y419.0052

Nơi sản xuất (Manufacturer): Memmert

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): $(-10 \div 60) ^\circ\text{C} / (10 \div 80) \% \text{RH}$
Độ phân giải (Resolution): $0,1 ^\circ\text{C} / 0,1 \% \text{RH}$

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Đảm bảo chất lượng Việt Nam

Địa chỉ (Address): Phòng 406, Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): VMI – CP 80:2019

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ chuẩn (Digital Thermometer) 1524/Fluke/ USA; $U_{95} = 0,030 ^\circ\text{C}$

Bộ đo nhiệt độ điểm sương (Dew point Mirror) D2/ General Eastern/ USA; $U_{95} = 0,10 ^\circ\text{C DP}$

Chuẩn được liên kết đến hệ đơn vị quốc tế SI
(Standards were traceable to the National Standard System)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau (The result of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30-06-26

Hà Nội, Ngày 18 tháng 06 năm 2025
(Date of Issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Nguyễn Việt Phương



VIỆN TRƯỞNG
(Director)



Ngô Thị Ngọc Hà

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đánh giá chất lượng sản phẩm và vệ sinh sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang:
(No of pages) 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): V10.CN5.2198.25

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ ổn định (Stability) (°C)	Độ đồng đều (Uniformity) (°C)	Độ KĐBĐ (Uncertainty) P = 95%CL, k = 2 (°C)
2,0	2,2	+0,2	± 0,1	± 0,4	0,6
8,0	8,1	+0,1	± 0,1	± 0,4	0,6
20,0	20,2	+0,2	± 0,1	± 0,4	0,6
25,0	25,2	+0,2	± 0,1	± 0,4	0,6
30,0	30,2	+0,2	± 0,1	± 0,4	0,6
40,0	40,2	+0,2	± 0,1	± 0,4	0,6
45,0	45,2	+0,2	± 0,1	± 0,4	0,6

Chỉ thị (Indicator) (%RH)	Chuẩn (Standard) (%RH)	Số hiệu chỉnh (Correction) (%RH)	Độ ổn định (Stability) (%RH)	Độ đồng đều (Uniformity) (%RH)	Độ KĐBĐ (Uncertainty) P = 95%CL, k = 2 (%RH)
30,0	30,1	+0,1	± 0,4	± 1,5	2,2
40,0	40,2	+0,2	± 0,4	± 1,5	2,2
50,0	49,8	-0,2	± 0,4	± 1,5	2,2
60,0	59,7	-0,3	± 0,4	± 1,5	2,2
70,0	70,3	+0,3	± 0,4	± 1,5	2,2
80,0	79,3	-0,7	± 0,4	± 1,5	2,2

Người hiệu chuẩn
(Calibration by)



Mai Hồng Quân

